

Số: 687 /TB-SNNMT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2026 (đợt 1)

Căn cứ Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án Nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ đăng ký kế hoạch thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Trên cơ sở kết quả hội nghị triển khai Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố vào ngày 24/4/2026 và ngày 29/4/2026 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có liên quan;

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2026 (đợt 1), như sau:

1. Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ thuê đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt hàng hóa quy mô lớn;
- Hỗ trợ xây dựng nhà lưới, nhà màng để sản xuất trồng trọt;
- Hỗ trợ sản xuất trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, Halal;
- Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.
- Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao;
- Hỗ trợ cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện đợt 1: 42.658 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông báo này).

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: từ nguồn kinh phí chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản đã giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại theo Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Trên cơ sở Thông báo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2026 (đợt 1), UBND cấp xã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đảm bảo đúng nội dung, đối tượng, mức và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025; Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và tổng hợp hồ sơ đề xuất hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện hỗ trợ theo quy định. Trong đó,

+ Đợt 1: Hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ trước ngày 30/6/2026.

+ Đợt 2: Hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ trước ngày 30/11/2026.

4.2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Thủy sản chăn nuôi và Thú y, Chi cục Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

- Thực hiện nhiệm vụ theo Thông báo số 615/TB-SNNMT ngày 17/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công triển khai, thực hiện Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Kiểm tra, thẩm định, các nội dung hỗ trợ tại địa phương. Tổng hợp, trình hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các phòng, đơn vị thuộc Sở tăng cường chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện để hoàn thành kế hoạch đảm bảo tiến độ và hiệu quả. Nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để xử lý theo thẩm quyền./. *W*

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Sở Tài chính;
- GD Sở (để b/c);
- các PGĐ Sở: P.T.Đào, L.T.Kiểm;
- Các Chi cục: TT&BVTV; TS, CN và TY; PTNT;
- Ban QL rừng và Khuyến nông;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, TCKHĐT. *W*



Lương Thị Kiểm

PHỤ LỤC

Kế hoạch thực hiện (đợt 1) năm 2026 theo các chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố

(Ban hành kèm theo Thông báo số ~~687~~/TB-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			42.658	
I	Hỗ trợ thuê đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt hàng hóa quy mô lớn	ha	498,7	4.987	
1	Xã Vĩnh Hòa	ha	14,3	143	
2	Xã Nguyễn Bình Khiêm	ha	86,3	863	
3	Xã Vĩnh Hải	ha	12,9	129	
4	Xã Kiến Thụy	ha	10	100	
5	Xã Kiến Hưng	ha	53,9	539	
6	Phường Chí Linh	ha	9,5	95	
7	Xã Hợp Tiến	ha	7	70	
8	Xã Phú Thái	ha	10	100	
9	Xã Hải Hưng	ha	20	200	
10	Xã Nguyễn Lương Bằng	ha	20	200	
11	Xã Ninh Giang	ha	10,5	105	
12	Xã Vĩnh Lại	ha	31,6	316	
13	Xã Khúc Thừa Dụ	ha	12,8	128	
14	Xã Tân An	ha	12	120	
15	Xã Hồng Châu	ha	100	1.000	
16	Xã Lạc Phượng	ha	35,1	351	
17	Xã Nguyên Giáp	ha	12	120	
18	Xã Trường Tân	ha	40,8	408	

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
II	Hỗ trợ xây dựng nhà lưới, nhà màng để sản xuất trồng trọt		50.000	5.000	
1	Xã An Khánh	m ²	3.000	300	
2	Phường Bạch Đằng	m ²	1.500	150	
3	Xã Kiến Hải	m ²	10.000	1.000	
4	Phường An Dương	m ²	1.000	100	
5	Phường Chí Linh	m ²	3.000	300	
6	Phường Lê Đại Hành	m ²	2.000	200	
7	Xã Nam Sách	m ²	6.000	600	
8	Xã An Phú	m ²	2.500	250	
9	Xã Cẩm Giang	m ²	1.000	100	
10	Phường Trần Liễu	m ²	4.000	400	
11	Phường Bắc An Phụ	m ²	1.000	100	
12	Phường Phạm Sư Mạnh	m ²	2.000	200	
13	Xã Thanh Miện	m ²	1.000	100	
14	Xã Bắc Thanh Miện	m ²	1.000	100	
15	Xã Hải Hưng	m ²	2.000	200	
16	Xã Nguyễn Lương Bằng	m ²	1.000	100	
17	Xã Ninh Giang	m ²	2.000	200	
18	Xã Vĩnh Lại	m ²	2.000	200	
19	Xã Hồng Châu	m ²	1.000	100	
20	Xã Gia Lộc	m ²	3.000	300	

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
III	Hỗ trợ sản xuất trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, Halal		194,7	1.977	
1	Xã Việt Khê	ha	5	50	Sản xuất na theo tiêu chuẩn VietGAP
2	Phường Nam Đồ Sơn	ha	55	550	Sản xuất táo theo tiêu chuẩn VietGAP
3	Phường An Phong	ha	13	160	10 ha sản xuất ổi theo tiêu chuẩn VietGAP và 03 ha sản xuất ổi theo tiêu chuẩn hữu cơ
4	Xã Hồng Châu	ha	5	50	Vùng sản xuất cây kim tiền thảo
5	Xã Đại Sơn	ha	11,7	117	Vùng sản xuất rau chuyên canh
6	Xã Gia Lộc	ha	10	100	Vùng sản xuất rau chuyên canh
7	Phường Trần Nhân Tông	ha	5	50	Sản xuất na theo tiêu chuẩn VietGAP
8	Phường Nguyễn Trãi	ha	60	600	20 ha sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn VietGAP và 40 ha sản xuất na theo tiêu chuẩn VietGAP
9	Xã Hà Nam	ha	30	300	Sản xuất ổi theo tiêu chuẩn VietGAP

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
IV	Chính sách hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản	máy móc, thiết bị	62	7.540	
1	Xã Vĩnh Bảo		2	230	01 máy làm đất, 01 máy cấy
2	Xã Vĩnh Am		1	30	máy cấy
3	Xã Vĩnh Hải		1	190	máy gặt
4	Xã Vĩnh Hòa		1	110	máy cấy
5	Xã Vĩnh Thịnh		2	220	01 máy bay không người lái, 01 máy cấy
6	Xã Nguyễn Bình Khiêm		1	190	máy gặt
7	Xã Tân Minh		1	110	máy bay không người lái
8	Xã Chấn Hưng		1	120	máy làm đất
9	Xã An Khánh		1	110	máy cấy
10	Xã An Hưng		1	110	máy cấy
11	Xã An Quang		1	90	máy bay không người lái
12	Phường Hòa Bình		2	230	01 máy gặt, 1 máy gieo mạ
13	Xã An Lão		1	100	máy làm đất
14	Xã Kiến Thụy		1	120	máy làm đất
15	Xã Kiến Minh		1	80	Hệ thống sấy thóc
16	Xã Nghi Dương		2	160	01 máy cấy, 01 kho lạnh
17	Phường An Phong		1	190	máy gặt
18	Phường Hồng An		1	120	máy làm đất
19	Phường Nam Đồng		2	220	2 máy cấy

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
20	Phường Thạch Khôi		1	130	máy làm đất
21	Phường Ái Quốc		1	110	máy cấy
22	Xã Hà Tây		1	110	máy cấy
23	Phường Chu Văn An		1	120	máy làm đất
24	Phường Trần Hưng Đạo		1	120	máy làm đất
25	Phường Lê Đại Hành		1	190	máy gặt
26	Xã Nam Sách		1	110	máy cấy
27	Xã Hợp Tiến		1	190	máy gặt
28	Xã Mao Điền		1	120	máy làm đất
29	Xã Cẩm Giàng		1	120	máy làm đất
30	Xã Cẩm Giang		1	190	máy gặt
31	Xã Bình Giang		1	90	máy bay không người lái
32	Xã Đường An		1	120	máy làm đất
33	Xã Thượng Hồng		1	100	máy làm đất
34	Xã Lai Khê		1	130	máy làm đất
35	Xã An Thành		1	120	máy cấy
36	Xã Kim Thành		2	280	01 máy bay không người lái, 01 máy gặt
37	Phường Phạm Sư Mạnh		1	90	máy bay không người lái
38	Xã Nam An Phụ		1	120	máy làm đất
39	Xã Thanh Miện		1	100	máy làm đất
40	Xã Bắc Thanh Miện		1	100	máy làm đất
41	Xã Nam Thanh Miện		1	90	máy bay không người lái
42	Xã Khúc Thừa Dụ		1	110	Máy cấy
43	Xã Tân An		1	190	máy gặt
44	Xã Tứ Kỳ		1	90	máy bay không người lái

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
45	Xã Tân Kỳ		1	120	<i>máy làm đất</i>
46	Xã Đại Sơn		1	190	<i>máy gặt</i>
47	Xã Chí Minh		1	190	<i>máy gặt</i>
48	Xã Lạc Phượng		1	120	<i>máy làm đất</i>
49	Xã Nguyên Giáp		1	110	<i>máy làm đất</i>
50	Xã Yết Kiêu		1	90	<i>máy bay không người lái</i>
51	Phường An Dương		1	90	<i>máy bay không người lái</i>
52	Phường Chí Linh		1	190	<i>máy gặt</i>
53	Phường Trần Liễu		1	130	<i>máy làm đất</i>
54	Xã Hồng Châu		1	100	<i>máy làm đất</i>
55	Xã Hải Hưng		1	110	<i>máy làm đất</i>
56	Xã Vĩnh Lại		1	130	<i>máy làm đất</i>
V	Chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao			9.442	
1	Xã Vĩnh Am	Cơ sở	1	300	<i>01 cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hỗ trợ chi phí xây lắp hoặc mở rộng, cải tạo nâng cấp cơ sở; mua mới máy móc, thiết bị</i>
2	Đặc khu Cát Hải	Cơ sở	5	1.500	<i>05 cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè</i>

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
3	Phường Chí Linh	ha	13,25	4.902,5	13,25 ha ao nuôi hỗ trợ chi phí xây lắp hoặc mở rộng, cải tạo nâng cấp cơ sở; mua mới máy móc, thiết bị và 13,25 ha ao nuôi hỗ trợ chi phí mua mới con giống, vật tư
4	Xã An Thành	ha	20,85	1.459,5	20,85 ha ao nuôi hỗ trợ chi phí mua mới con giống, vật tư
5	Xã Thanh Miện	ha	15	1.280	01 ha ao nuôi hỗ trợ chi phí xây lắp hoặc mở rộng, cải tạo nâng cấp cơ sở; mua mới máy móc, thiết bị và 14 ha ao nuôi hỗ trợ chi phí mua mới con giống, vật tư
VI	Hỗ trợ cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh	Cơ sở	21	1.470	
1	Xã Kiến Hải	Cơ sở	1	70	01 cơ sở chăn nuôi
2	Phường Trần Nhân Tông	Cơ sở	1	70	01 cơ sở chăn nuôi
3	Xã Tứ Kỳ	Cơ sở	2	140	02 cơ sở chăn nuôi
4	Phường Phạm Sư Mạnh	Cơ sở	2	140	02 cơ sở chăn nuôi
5	Xã Hà Bắc	Cơ sở	1	70	01 cơ sở chăn nuôi
6	Xã Nam Sách	Cơ sở	1	70	01 cơ sở chăn nuôi

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
7	Xã Chân Hưng	Cơ sở	13	910	05 cơ sở thủy sản và 08 cơ sở chăn nuôi
VII	Hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)			2.216	
1	Hỗ trợ các sản phẩm đạt 3 sao	Sản phẩm	22	946	
2	Hỗ trợ các sản phẩm đạt 4 sao	Sản phẩm	26	1.170	
3	Hỗ trợ các sản phẩm đạt 5 sao	Sản phẩm	2	100	
VIII	Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp			2.826	
1	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật	Lớp	8	400	Hỗ trợ 08 lớp tập huấn kỹ thuật cho 08 kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (50 triệu đồng/lớp)
2	Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã	Kế hoạch	8	2.426	

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
2.1	Xã Kiến Thụy	Kế hoạch	1	332	Kế hoạch hỗ trợ liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế gắn với tiêu thụ sản phẩm gạo ST25 , quy mô 45 ha
2.2	Xã Nguyên Giáp	Kế hoạch	1	333	Kế hoạch liên kết và tiêu thụ sản phẩm chuối, quy mô 10 ha
2.3	Phường Bắc An Phụ	Kế hoạch	1	330	Kế hoạch liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm táo Đài Loan, quy mô 05 ha
2.4	Xã Thái Tân	Kế hoạch	2	660	02 Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cà rốt, quy mô 10 ha/01 kế hoạch;
2.5	Xã Thanh Hà	Kế hoạch	1	332	Kế hoạch liên kết và tiêu thụ sản phẩm vải, quy mô 10 ha
2.6	Xã Tuệ Tĩnh	Kế hoạch	1	89	Kế hoạch liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm ngô ngọt, quy mô 22 ha

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Quy mô hỗ trợ	Kinh phí dự kiến hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
2.7	Xã Chấn Hưng	Kế hoạch	1	350	Kế hoạch hỗ trợ liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trứng vịt
IX	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp			7.200	
1	Tổ chức, thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng			5.000	
2	Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh tổ chức			2.200	